

Bản án số: **210/2026/DS-ST**
Ngày 15-6-2026
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Quang.

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2026/TLST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2026/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Khương Thị T**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Khương Thị T trình bày:

Tôi là chủ hui có cho ông Nguyễn Thanh T1 vô hui, sau đó ông T1 hót hui và có chót lại số tiền hui còn thiếu tôi tổng cộng là 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Sau đó, đến cuối năm 2024 do không có tiền đóng lại hui chết cho tôi nên ông T1 có nhờ tôi hỏi tiền dùm để đóng hui với số tiền là 30.800.000đ (*ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng*), ông T1 hứa gần Tết năm 2024 sẽ trả cho tôi, nhưng đến nay ông T1 vẫn chưa trả cho tôi. Tổng cộng ông

Nguyễn Thanh T1 còn thiếu tôi tiền hụi và tiền nợ vay tổng cộng số tiền là: 175.800.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Tại phiên hòa giải ngày 27/5/2026 tôi có cho ông T1 2 phương án để ông T1 lựa chọn, một là tôi sẽ cho ông T1 trả dần với điều kiện ông T1 trả cho tôi mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng). Hai là, ông T1 trả cho tôi trước số tiền nợ hụi là 145.000.000đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*), còn lại số tiền nợ vay 30.800.000đ (*Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) tôi sẽ đồng ý cho ông T1 trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng ông T1 không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho tôi mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ nên tôi không đồng ý. Vì ngoài ông T1 nợ tôi còn một số người khác cũng nợ tôi và tôi cũng nợ lại những người khác ai cũng xin trả như ông T1 thì làm sau tôi lo tiền trả lại cho những chủ nợ khác được.

Tại phiên tòa, bà Khương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải trả cho bà số tiền nợ vay và nợ hụi tổng cộng là 175.800.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*), bà không yêu cầu tính lãi và yêu cầu ông T1 thanh toán nợ một lần cho bà.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 27/5/2026 bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Tôi có nhận được Thông báo Thụ lý vụ án số: 362/2026/TLST-DS, ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân khu vực 5, tỉnh An Giang. Theo Thông báo trên thì bà Khương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hụi là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và số tiền hỏi dùm là 30.800.000đ (Ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng), tổng cộng 2 khoản là 175.800.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tôi xin trình bày ý kiến như sau: Tôi thừa nhận tôi có chơi hụi của bà T, đến khi đóng hụi lại không có khả năng đóng nên tôi mới nhờ bà T đi vay tiền của người ta để lấp vô số tiền hụi tôi thiếu, tiền vốn gốc ban đầu là 76.000.000đ (bảy mươi sáu triệu đồng), lãi thỏa thuận lãi ngày 10.000.000đ/1.000.000đ/ngày, 76.000.000đ lãi một ngày 760.000đ. Tôi có đóng lãi cho bà T được một thời gian, sau đó không có khả năng đóng lãi nên nhờ bà T chàn dùm.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu tôi trả cho bà T số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng hai khoản là 175.800.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng) thì tôi thừa nhận tôi còn nợ bà T số tiền trên và tôi cũng đồng ý trả cho bà T số tiền nêu trên. Nhưng do làm ăn thất bại, thua lỗ nên tôi không có khả năng thanh toán nợ cho bà T như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, trước đây ở địa phương và hòa giải áp tôi có năn nỉ bà T cho tôi trả dần số nợ trên mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ nhưng bà T không đồng ý. Còn số tiền lãi

trước đây tôi đã đóng cho bà T thì tôi không yêu cầu tính lại vì nợ này tôi thiếu cũng lâu.

Nay, tại Tòa tôi xin bà T cho tôi được trả như thỏa thuận trước đây là trả dần số nợ trên mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, trả đến khi nào dứt nợ thì thôi. Nếu như thời gian sau đó tôi làm ăn được thì tôi sẽ trả nhiều hơn, có nhiều tiền thì tôi sẽ trả hết nợ luôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

Ông Nguyễn Thanh T1 với tư cách là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên hòa giải, bà T yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ hui và nợ vay tổng cộng là 175.800.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*). Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông T1 trả số tiền nợ vay và nợ hui tổng cộng là 175.800.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 đều thừa nhận ông còn nợ bà Khương Thị T số tiền nợ vay và nợ hui tổng cộng là 175.800.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*). Do đó, việc ông T1 có nợ bà T số tiền nợ vay và nợ hui là 175.800.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*) là sự thật.

Theo quy định tại Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về nghĩa vụ của thành viên phải góp phần họ theo thỏa thuận và tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác. Căn cứ theo quy định này, thì ông T1 là thành viên (hui viên) đã hót hui trước nên đến kỳ mở hui ông T1 phải có trách nhiệm giao tiền hui

chết theo thỏa thuận cho bà T để bà T giao lại cho những hui viên khác nhưng ông T1 không thực hiện. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền hui là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về số tiền nợ vay, HĐXX thấy rằng, ông T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 466 BLDS cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị T và buộc ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán số nợ vay 30.800.000đ (Ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng) này cho bà T là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch là: $175.800.000đ \times 5\% = 8.790.000đ$ buộc ông T1 phải chịu nộp do ông có lỗi trong vụ kiện;

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Khương Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui biên, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 trả số tiền nợ vay và nợ hui.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho bà Khương Thị T số tiền nợ vay và nợ hui tổng cộng là **175.800.000đồng** (Một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là **8.790.000đồng** (Tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Thanh T1 phải nộp.

Hoàn trả cho bà Khương Thị T số tiền tạm ứng án phí là 4.395.000đ (*Bốn triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 303458 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/6/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhật